TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16/10/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**

* *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Hà Huy Khoa.**

2. **Bà Nguyễn Thị Là.**

* *Thư ký phiên tòa*: **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh** – Thư ký Tòa án.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:*

Bà Vũ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2018/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2018 về: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Lê Thị T** sinh năm 1975

HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

* *Bị đơn:* **Anh Lã Quý H,** sinh năm 1973

HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn xin ly hôn ngày 20/7/2018; Bản tự khai ngày 24/7/2018; Biên bản hòa giải các ngày 31/7/2018; 22/8/2018; 06/9/2018 và tại phiên tòa chị Lê Thị T nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Lã Quý H ngày 16/11/1999 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 5 đến 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khó khăn trong làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã ly thân được từ đầu năm 2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh H.

* *Về con chung:* Chị và anh H có 01 con chung Lã Quý L, sinh ngày 14/12/2000, hiện con đang ở cùng chị T. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản:* Vợ chồng không có tài sản chung, không vay ai, không cho ai vay tài sản gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 24/7/2018; Biên bản hòa giải ngày 31/7/2018; 22/8/2018 và ngày 06/9/2018 anh Lã Quý H bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh xác nhận lời khai của chị T về điều kiện hoàn cảnh kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vẫn hạnh phúc từ đó đến nay, đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn nhưng vợ chồng lại vui vẻ. Nay chị T xin ly hôn anh có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình vì vợ chồng vẫn còn nặng tình cảm với nhau.

* *Về con chung:* Anh và chị T có 01 con chung Lã Quý L, sinh ngày 14/12/2000, nếu ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng con Lã Quý L để giải quyết vụ án.

* *Về tài sản:* Vợ chồng không có tài sản chung, không vay ai, không cho ai vay tài sản gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, của thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn việc chấp hành pháp luật chưa nghiêm chỉnh. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lã Quý H; Giao con chung Lã Quý L, sinh ngày 14/12/2000 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con; Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay ai, không cho ai vay tài sản gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai và các biên bản hòa giải, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn đang cư trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật.

Anh H đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa thứ nhất anh H vắng mặt không lý do, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa ngày 16/10/2018 anh H vẫn vắng mặt HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị T và anh Lã Quý H kết hôn ngày 16/11/1999 do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khó khăn trong làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã ly thân được từ đầu năm 2018 đến nay, anh H cho rằng vợ chồng chung sống vẫn hạnh phúc từ đó đến nay đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn, nhưng vợ chồng lại vui vẻ. Nay chị T xin ly hôn, anh H có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình.

[2.1] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 30/8/2018 giữa chị T và anh H, UBND xã Đ cung cấp như sau: Chị T kết hôn với anh H ngày 16/11/1999 có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn Bắc, xã Đ, anh H là người không chăm chỉ làm ăn nên chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn còn cụ thể mâu thuẫn thì chính quyền không nắm được. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nếu chị T cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để chị T suy nghĩ lại và cùng chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống và cho anh H có thời gian để đưa ra giải pháp để vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên anh H cũng không đưa ra giải pháp nào để vợ chồng quay về đoàn tụ, do vậy việc đoàn tụ giữa chị T và anh H là không thành, chị T vẫn cương quyết xin ly hôn. Vì vậy xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T cương quyết xin được ly hôn với anh H cần được chấp nhận theo yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị T và anh H có 01 con chung là Lã Quý L, sinh ngày 14/12/2000. Ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của con, vì vậy cần giao con Lã Quý L cho chị T trực tiếp nuôi dậy và chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản:* Chị T và anh H không có tài sản chung, không vay ai, không cho ai vay tài sản gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147;khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lã Quý H.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi con chung Lã Quý L, sinh ngày 14/12/2000 và chấp nhận việc không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị T và anh H không có tài sản chung, không vay ai, không cho ai vay tài sản gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007690 ngày 24/7/2018 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

<u>ơi nhận:</u>
- *VKSND huyện Đông Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

HOÀNG VĂN THÀNH